

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 3 - 2023

V/v Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Úc Trai

2. Ông Đỗ Hải Châu

-Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, năm sinh 2003

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Tổ dân phố H, thị trấn S1, huyện S, tỉnh Lào Cai.
Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Thanh Quang – Trợ giúp viên pháp lý công tác tại chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1 (huyện S) thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Giàng Seo T, năm sinh 2000

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Giàng Seo T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3/2020, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến ngày 05/10/2021 anh chị mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau khi về chung sống được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T mãi chơi, không chăm lo cuộc sống gia đình; mặc dù chị H đã nhiều lần khuyên bảo, nhắc nhở anh T để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng anh T vẫn chứng nào tật đấy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Thời gian gần đây anh T đi chơi nhiều hơn, mang tài sản của gia đình đi bán, không chăm lo cho gia đình vợ con, suốt ngày bỏ bê công việc để đi chơi. Vì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể chịu đựng được nữa nên chị H đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thị trấn S sinh sống từ cuối tháng 9/2022 đến nay. Từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ thì anh T đã nhiều lần đến bảo chị H về nhà tiếp tục chung sống với anh T nhưng chị H không đồng ý về vì tình cảm vợ chồng không còn; sau đó do con chung của anh chị bị ốm nên anh T có vài lần đến thăm con và bảo chị H về nhà ăn tết nguyên đán năm 2023 nhưng chị H kiên quyết không về vì không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa. Tiếp đó qua tin nhắn điện thoại anh T đe dọa, chửi chị H và yêu cầu chị H nếu ly hôn thì phải trả tiền sính lễ cưới cho anh T thì anh T mới đồng ý ly hôn với chị H. Thực tế từ tháng 9/2022 đến nay, vợ chồng chị H sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để đảm bảo cuộc sống riêng của cả hai người.

- Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị H và anh T chỉ có một người con chung là cháu Giàng Xuân A, sinh ngày 25/5/2022. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giàng Xuân A cho đến khi cháu Trường đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Chị H là lao động tự do thu nhập được 3.500.000 đồng/tháng. Anh T cũng lao động tự do, hàng tháng anh T không đưa tiền để nuôi con nên chị H không biết thu nhập của anh T như thế nào. Tại địa phương mức nuôi dưỡng cháu Giàng Xuân A mỗi một tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị H đã giao nộp đầy đủ cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Đối với bị đơn anh Giàng Seo T: Tại bản tự khai ngày 20 tháng 12 năm 2022 bị đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng Seo T và chị Hoàng Thị H tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3/2020, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến ngày 05/10/2021 anh chị mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai. Anh T cho rằng những gì chị H đã trình bày trong đơn khởi kiện về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là chưa đúng. Tuy anh T có mãi chơi ham vui bài bạc nhưng vẫn chăm lo cho gia đình, chưa bao giờ đánh chửi vợ con, không biết vì lý do gì chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở rất nhiều lần không có lý do, anh T đã đến nhà bố mẹ đẻ

chị H đón nhiều lần. Nay anh T xét thấy tình cảm vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, chị H có yêu cầu ly hôn anh T không đồng ý. Anh T đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái vì cháu vẫn còn rất nhỏ.

- Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh T và chị H có một người con chung là cháu Giàng Xuân A, sinh ngày 25/5/2022. Do anh T không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung vì cháu còn nhỏ nên con chung sẽ do hai vợ chồng nuôi dưỡng, chăm sóc. Trường hợp nếu phải ly hôn anh T đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung và anh T sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi một tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Về điều kiện nuôi con: Anh T đi làm thuê hái cà phê tại tỉnh Đắk Lắk thu nhập một tháng được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); chị H ở nhà làm hàng mã phụ giúp bố mẹ để thu nhập một tháng được bao nhiêu tiền thì anh T không biết. Tại địa phương mức nuôi dưỡng cháu Giàng Xuân A là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn vì chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đối với vụ án này.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

3.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại từ Điều 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203, 233.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3.2. Ý kiến về việc giải quyết vụ việc: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Giàng Seo T.

- Về con chung: Giao cháu Giàng Xuân A cho chị Hoàng Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trường đủ 18 tuổi. Anh

T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

3.3. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục Tố tụng: Chị Hoàng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Giàng Seo T có địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn C, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Giàng Seo T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3/2020, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến ngày 05/10/2021 anh chị đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T mãi chơi, không chăm lo cuộc sống gia đình; mặc dù chị H đã nhiều lần khuyên bảo, nhắc nhở anh T để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng anh T không chịu thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Thực tế từ tháng 9/2022 đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được địa phương xác nhận đúng như chị H trình bày. Như vậy đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ. Đối với anh T mặc dù đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng anh T chỉ đến Tòa án theo triệu tập, thông báo của Tòa án duy nhất một lần trình bày bản tự khai như vậy thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc của anh T trước mâu thuẫn vợ chồng. Do đó yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của anh T là không có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Hoàng Thị H ly hôn anh Giàng Seo T.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị Hoàng Thị H và anh Giàng Seo T chỉ có một người con chung là cháu Giàng Xuân A, sinh ngày 25/5/2022. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trường cho đến khi cháu Trường đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với anh T có ý kiến nếu phải ly hôn thì anh đồng ý để chị H nuôi

dưỡng con chung, anh sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi một tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Xét thấy chị H, anh T đều là lao động tự do, chị H có mức thu nhập là 3.500.000 đồng/tháng; do rất mải chơi, không chịu lao động nên thu nhập của anh T chỉ đảm bảo cuộc sống tối thiểu hàng ngày của anh T; cháu Trường còn rất nhỏ, tại địa phương mức nuôi dưỡng cháu là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/ 1 tháng, đã được địa phương xác nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trường cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Trường đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Giàng Seo T. Quan hệ hôn nhân của chị Hoàng Thị H và anh Giàng Seo T được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Giàng Xuân A, sinh ngày 25/5/2022 cho chị Hoàng Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Giàng Xuân A đủ 18 tuổi. Anh Giàng Seo T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị H phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số: 0006950 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị Hoàng Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

